TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2023/HS-ST
Ngày: 24-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vòng Quốc Dũng
2. Bà Trần Thị Mộng Thu

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền,*** tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ***tham gia phiên tòa*:** Bà Mai Thị Thiên L- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 137/2023/TLST-HS ngày 25-7-2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST-HS ngày 10-8-2023 đối với bị cáo:

Lê Thị T, sinh năm 1998 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê L1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1972; có chồng (không rõ) và 03 con, con lớn 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25-5-2023, chuyển sang tạm giam từ ngày 28-5-2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 2000; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Lý Thị Tuyết T2, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Ông Phạm C, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ E, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ C, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

+ Ông Trần Xuân T4, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 2000; nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Lê Thị T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L có quan hệ tình cảm và thuê nhà chung sống với nhau tại số nhà A đường H, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong quá trình quen biết với anh P, T đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh P, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 20-9-2022, khi anh P và T đang chơi game tại tiệm Internet T5 thuộc khu phố H, thị trấn L, huyện L, T hỏi mượn anh P 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đen cam, biển số 72H1-162.21 để đi dự sinh nhật bạn, anh P đồng ý. Sau khi đi chơi về, do cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô trên của anh P để lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, T gửi xe mô tô ở quán của chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1993; Nơi cư trú: tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L rồi đi xe ôm đến quán game gặp P, T và anh P chơi game đến sáng ngày 21-9-2022, anh P hỏi T xe mô tô của anh P đâu, T nói dối là xe mô tô của anh P đã bị Cảnh sát giao thông tạm giữ và nói anh P đưa giấy xe để đi đóng phạt và lấy xe về. Do tin tưởng nên P đã đưa giấy đăng ký xe đứng tên Bùi Văn H đưa cho T. Sau đó, T đến quán của chị S lấy xe mô tô và mang giấy đăng ký xe đi cầm cố tại cơ sở cầm đồ "Hải Cư" thuộc khu phố H, thị trấn L, huyện L do anh Phạm C, sinh năm: 1965; Nơi cư trú: tổ E, khu phố H, thị trấn L, huyện L làm chủ được số tiền 6.000.000 đồng, T đã dùng 1.000.000 đồng để trả tiền phòng trọ, còn 5.000.000 đồng đã tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 03 đến 04 ngày sau, do hết tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định bán chiếc xe trên, T đi đến cơ sở cầm đồ "Hải Cư" hỏi bán chiếc xe cho anh Phạm C, nhưng anh C không đồng ý mua. Sau đó, T đến tiệm cầm đồ "Trân Chính" (ngay bên cạnh tiệm "Hải Cư") thuộc tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L do chị Lý Thị Tuyết T2, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L làm chủ. T2 hỏi bán chiếc xe mô tô cho chị Tuyết T2 với giá 8.500.000 đồng và đưa tiền cho T2 đi chuộc xe. Sau đó, T2 đến tiệm cầm đồ "Hải Cư" để chuộc lại chiếc xe mô tô rồi đưa xe cho chị Tuyết T2, lấy số tiền chênh lệch từ việc cầm cố và bán xe để tiêu xài cá nhân hết. Ngày 17-10-2022, chị Tuyết T2 đã bán chiếc xe cho anh Trần Xuân T4, sinh năm: 1977; nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L với giá 13.500.000 đồng. Đến ngày 17-11-2022, anh T4 tiếp tục bán chiếc xe cho anh Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1985; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện L với giá 14.200.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng đầu tháng 10 năm 2022 (Trinh không nhớ chính xác ngày), anh P và T2 đến nhà của chị S thuộc khu phố H, thị trấn L, huyện L. Trong

lúc anh P nằm ngủ ở võng, điện thoại của anh P đang sạc pin để gần chỗ anh P nằm. Lợi dụng lúc anh P đang ngủ, T2 lén lút lấy 01 chiếc điện thoại OPPO A5, màu đen của anh P. Sau đó, T2 khai nhận đem đi cầm cố tại cửa hàng điện thoại di động "Mai Cường" thuộc khu phố H, thị trấn L, huyện L được số tiền 1.700.000 đồng, T2 đã tiêu xài cá nhân hết. Khoảng vài ngày sau, T2 đưa cho anh P 1.7000.000 đồng và giấy cầm điện thoại (anh P xác định chỉ nhận của T2 1.000.000 đồng và không có giấy cầm) để chuộc lại điện thoại nên chưa chuộc được. Tại cơ quan điều tra, qua làm việc, Lê Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá số 93/KL-HĐĐGTS ngày 14-12-2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện L kết luận: 01 xe mô tô biển số: 72H1-162.21, nhãn hiệu Honda, màu cam-đen, loại xe Wave RSX, số khung 072262, số máy: 1156636, đã qua sử dụng (đăng ký lần đầu ngày 07-01-2016), trị giá 9.500.000 đồng; 01 điện thoại di động, hiệu OPPO A5, màu đen, đã qua sử dụng, trị giá 3.200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 xe mô tô biển số: 72H1-162.21, nhãn hiệu Honda, màu cam-đen, loại xe Wave RSX, đã qua sử dụng, do Bùi Văn H đứng tên chủ sở hữu (thu giữ của bà Cao Thị T6, sinh năm: 1965, là mẹ ruột của anh T3); 01 giấy đăng ký xe mô tô số 003185, mang tên Bùi Văn H (thu giữ của anh T3). Ngày 28-6-2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã giao trả những tài sản trên cho bị hại Nguyễn Hoàng P.

- Đối 01 điện thoại di động, hiệu OPPO A5, màu đen, đã qua sử dụng của anh P, Lê Thị T khai nhận cầm cố tại cửa hàng điện thoại di động "Mai Cường" thuộc khu phố H, thị trấn L, huyện L do anh Nguyễn Văn C1 (sinh năm: 1986; Nơi cư trú: khu phố H, thị trấn L, huyện L) làm chủ. Tuy nhiên, qua làm việc, anh C1 xác định không nhận cầm cố chiếc điện thoại trên của T7. Hiện nay, CSĐT Công an huyện L chưa xác định được nơi T cầm cố chiếc điện thoại trên nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hoàng P yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 3.200.000đ theo kết luận định giá đối với 01 chiếc điện thoại di động, hiệu OPPO A5, màu đen; chị Lý Thị Tuyết T2 yêu cầu bị cáo T2 bồi thường số tiền 8.500.000đ chị T2 mua xe.

Đối với anh Trần Xuân T4 và anh Nguyễn Văn T3 đã thỏa thuận được số tiền bồi thường và nhận lại đủ tiền, nên không có yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số 135/CT-VKSLĐ ngày 24-7-2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố bị cáo Lê Thị T về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 và tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị hại anh Nguyễn Hoàng P không yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 3.200.000đ đối với chiếc điện thoại bị cáo đã chiếm đoạt.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm*

chiếm đoạt tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội từ 15 tháng đến 21 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị Lý Thị Tuyết T2 số tiền 8.500.000đ. Đối với anh Nguyễn Hoàng P đã rút yêu cầu bị cáo T2 bồi thường 3.200.000đ đối với chiếc điện thoại bị cáo đã chiếm đoạt nên không xem xét, giải quyết.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về luận tội của kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo xin được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện L, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng*: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, tang vật thu giữ, kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định nội dung vụ án như sau:

Vào ngày 20-9-2022, tại tiệm Internet T5 thuộc khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Lê Thị T sau khi mượn xe mô tô biển số: 72H1-162.21, nhãn hiệu HONDA, màu cam-đen, loại xe Wave RSX với trị giá đã định là 9.500.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng P đã có hành vi lợi dụng lòng tin của anh P chiếm đoạt xe mô tô trên đi cầm cố lấy số tiền 6.000.000 đồng, sau đó đem đi bán được số tiền 8.5000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Trước đó khoảng đầu tháng 10 năm 2022, tại nhà của chị Nguyễn Thị S khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Lê Thị T tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động, hiệu OPPO A5, màu đen, đã qua sử dụng, với trị giá đã định là 3.200.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng P khi anh P đang nằm ngủ

trên võng. Sau đó, T đem đi cầm cố chiếc điện thoại lấy số tiền 1.7000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Vì vậy, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 và tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] *Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, gây bất an trong dư luận và mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả xảy ra. Nên cần có hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú. Nên áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Chị Lý Thị Tuyết T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.500.000đ chị T2 đã mua xe nên cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho chị T2; anh Nguyễn Hoàng P không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[6] *Về xử lý vật chứng*: 01 xe mô tô biển số: 72H1-162.21, nhãn hiệu Honda, màu cam-đen, loại xe Wave RSX, đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 003185, mang tên Bùi Văn H cơ quan công an đã thu hồi trả cho bị hại nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] *Về các vấn đề khác*:

- Đối với ông Phạm C khi nhận cầm cố chiếc xe và chị Lý Thị Tuyết T2 mua chiếc xe của Lê Thị T, ông Phạm C và chị Tuyết T2 không biết tài sản trên do T2 phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên ông Phạm Cư n cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố nên cơ quan CSĐT đã chuyển hồ sơ hình sự sang xử lý hành chính đối với hành vi của ông Phạm C là phù hợp.

- Đối với ông Trần Xuân T4 và ông Nguyễn Văn T3 khi mua chiếc xe mô tô nhưng không biết đây là tài sản T2 chiếm đoạt của người khác mà có nên cơ quan CSĐT không xử lý hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thị T 10 (mười) tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" và 06 (sáu) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Thị T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là **01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-5-2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị T phải bồi thường cho chị Lý Thị Tuyết T2 số tiền 8.500.000đ (Tám triệu, năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 425.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24-8-2023) hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật (đối với đương sự vắng mặt), bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu yêu cầu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- Trại Tạm giam CA tỉnh BR-VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

- Công an huyện Long Điền;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PC10 và PV06 Công an tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THA dân sự huyện Long Điền;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Lưu.

Phạm Thị Bình